



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ
HUE TEXTILE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ



<https://huegatex.com.vn/>



0234.3864.337



0234.3864.338



Số 122 Dương Triệu Tước, Thủy Dương, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế

2022 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

1. Tổng quan về Công ty
2. Tầm nhìn sứ mệnh, giá trị cốt lõi
3. Quá trình hình thành và phát triển
4. Thông tin về tổ chức và nhân sự
5. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng Quản trị (HĐQT)
2. Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát
3. Báo cáo hoạt động của Ban Điều hành
4. Báo cáo quản trị rủi ro

03 QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

04 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chính sách liên quan đến người lao động
2. Môi trường và năng lượng
3. Hoạt động cộng đồng
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

05 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01

THÔNG TIN CHUNG

- 1 Tổng quan về Công ty
- 2 Tầm nhìn sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 3 Quá trình hình thành và phát triển
- 4 Thông tin về tổ chức và nhân sự
- 5 Ngành nghề sản xuất kinh doanh



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

Tên tiếng anh: HUE TEXTILE GARMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: HUEGATEX

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300100628 cấp lần đầu ngày 17/11/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 22/7/2022

Vốn điều lệ: 152.247.010.000 đồng



Số 122 Dương Triệu Tước, Thủy Dương,
Hương Thủy, Thừa Thiên Huế



<https://huegatex.com.vn/>



0234.3864.337



Sàn giao dịch
UPCOM



0234.3864.338



Mã cổ phiếu:
HDM





TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tâm nhìn

Trở thành đối tác chiến lược của các thương hiệu thời trang lớn, đáp ứng được những yêu cầu cao nhất của khách hàng, có hệ thống quản trị hiện đại, tăng trưởng bền vững, tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu.



Sứ mệnh

Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dệt may có chất lượng tốt nhất, đáng tin cậy nhất trong phân khúc dựa trên mô hình sản xuất xanh cùng những dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự tự tin khi đồng hành cùng Công ty.



Giá trị cốt lõi

- » Khách hàng là trọng tâm trong hoạch định chính sách và chiến lược.
- » Làm đúng ngay từ đầu.
- » Chuyên nghiệp, minh bạch, trách nhiệm trong tất cả các hoạt động.
- » Tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.



Slogan

“Thịnh vượng khách hàng – Phồn vinh công ty – Hòa hòa lợi ích”

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY TRONG THỜI GIAN TỚI

Giai đoạn 2023 – 2028, Công ty xây dựng chiến lược phát triển với tầm nhìn “Trở thành đối tác chiến lược của các thương hiệu thời trang lớn, đáp ứng những yêu cầu cao nhất của khách hàng, có hệ thống quản trị hiện đại, tăng trưởng bền vững, tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu”. Để hoàn thành mục tiêu chiến lược đó, ngoài việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất trên cả 3 lĩnh vực Sợi, Dệt Nhuộm, May, trong đó:

- 01 nhà máy Sợi 3 vạn cọc và 01 nhà máy Sợi 6 vạn cọc tại KCN Phú Bài;
- 01 nhà máy may 3 tầng tại khu vực Thủy Dương và 01 nhà máy May tại chi nhánh Quảng Bình.
- Phối hợp Tập đoàn phát triển thêm 01 nhà máy Dệt Nhuộm tại CCN Hương Trà.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu, thay thế và hiện đại hoá dây chuyền sản xuất cả 3 ngành để tăng NSLĐ, ổn định chất lượng, lấy công tác chuyển đổi số làm đòn bẩy, đồng thời xây dựng Trung tâm nghiên cứu và phát triển thời trang để thúc đẩy mảng sản xuất ODM của Công ty.



Phối cảnh các nhà máy Sợi tại KCN Phú Bài 4



Phối cảnh chi nhánh Quảng Bình



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Ngày 19/5/1979:
Khởi công xây dựng Nhà máy sợi Huế.

Năm 1996: Thành lập nhà máy Dệt Kim

Năm 2002: Tách Nhà máy Dệt kim thành Nhà máy May với 18 chuyền may và Nhà máy Dệt nhuộm với năng lực sản xuất 1.200 tấn/năm.



Năm 2013: Khánh thành Nhà máy May 3 với quy mô 16 chuyền may.

Năm 2018: Đầu tư mới nhà máy May 4 với 16 chuyền may. Thành lập Chi nhánh Quảng Bình với 18 chuyền may. Hệ thống xử lý nước thải, nước ra đạt tiêu chuẩn cột A.



Năm 2023: Tiếp nhận chính thức Chi nhánh Quảng Bình

1979

1988

1996

2000

2002

2009

2013

2017

2018

2020

2023

Ngày 26/3/1988: Khánh thành Nhà máy Sợi Huế.



Năm 2000: Đầu tư nâng cấp Nhà máy Sợi thêm 8.000 cọc sợi. Đầu tư nhà máy Sợi chất lượng cao 3 vạn cọc tại khu Công nghiệp Phú Bài (đến năm 2003 tách thành Công ty CP Sợi Phú Bài).



Năm 2009: Thành lập Nhà máy May 2 với quy mô 16 chuyền may.

Năm 2017: Đầu tư nâng cấp Nhà máy Dệt Nhuộm với trang thiết bị hiện đại, nâng năng lực sản xuất lên 1.500 tấn/năm.



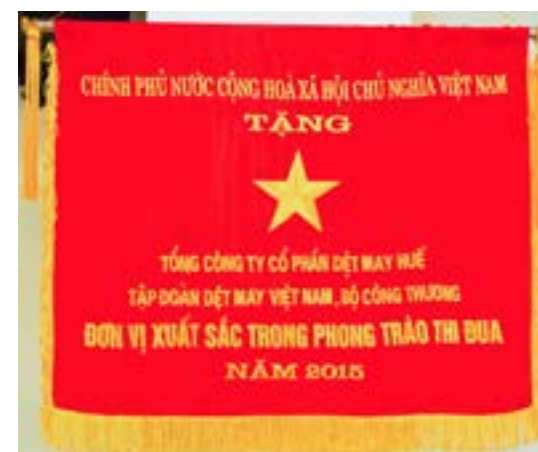
Năm 2020: Tái cấu trúc mô hình sản xuất, quản lý ngành May, cơ cấu lại bộ máy ngành Sợi.

Hiện nay Có 07 nhà máy gồm: 01 nhà máy Sợi gần 5 vạn cọc, 01 nhà máy Dệt Nhuộm với năng lực sản xuất 1.500 tấn/năm và 05 nhà máy May với 82 chuyền may, sản lượng bình quân là 25 triệu sản phẩm/năm.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm	Hình thức khen thưởng
Năm 1993	Nhận Huân chương Lao động hạng Ba và Cờ thi đua Đơn vị xuất sắc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
Năm 1995	Nhận Huân chương lao động hạng Nhì
Năm 1998	Nhận Huân chương lao động hạng Nhất
Năm 2008	Nhận Cờ thi đua Đơn vị Xuất sắc của Bộ Công thương, Bằng khen của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế
Năm 2009	Nhận Bằng khen của Bộ Công Thương, Bằng khen Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
Năm 2010	Nhận Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Chính phủ, Cờ Đơn vị sản xuất dẫn đầu Khối Doanh nghiệp tỉnh.
Năm 2011	Nhận Cờ thi đua Đơn vị xuất sắc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bằng khen của Bộ Công Thương, Bằng khen Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2012	Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Chính phủ.
Năm 2013	Nhận Huân chương Độc lập Hạng ba.
Năm 2014	Công ty nhận được Cờ thi đua của Bộ Công Thương.
Năm 2015	Công ty được Chính phủ tặng cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua xuất sắc, được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc, được Bộ LĐTBXH - Tổng LĐLĐVN và VCCI tiếp tục vinh danh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động.
Năm 2016	Công ty nhận được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc, tiếp tục được vinh danh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động lần thứ ba liên tiếp, Giấy khen của Cục Hải quan Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
Năm 2017	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng cờ đơn vị thi đua xuất sắc, tiếp tục được vinh danh danh hiệu doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động lần thứ tư, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
Năm 2018	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế tặng bằng khen đơn vị thi đua xuất sắc, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
Năm 2019	Cờ thi đua của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2020	Bằng khen của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2021	Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh danh đơn vị dẫn đầu, Bằng khen có thành tích trong phong trào phòng Chống dịch Covid - 19, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
Năm 2022	Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam năm 2022, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam, Bằng khen của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

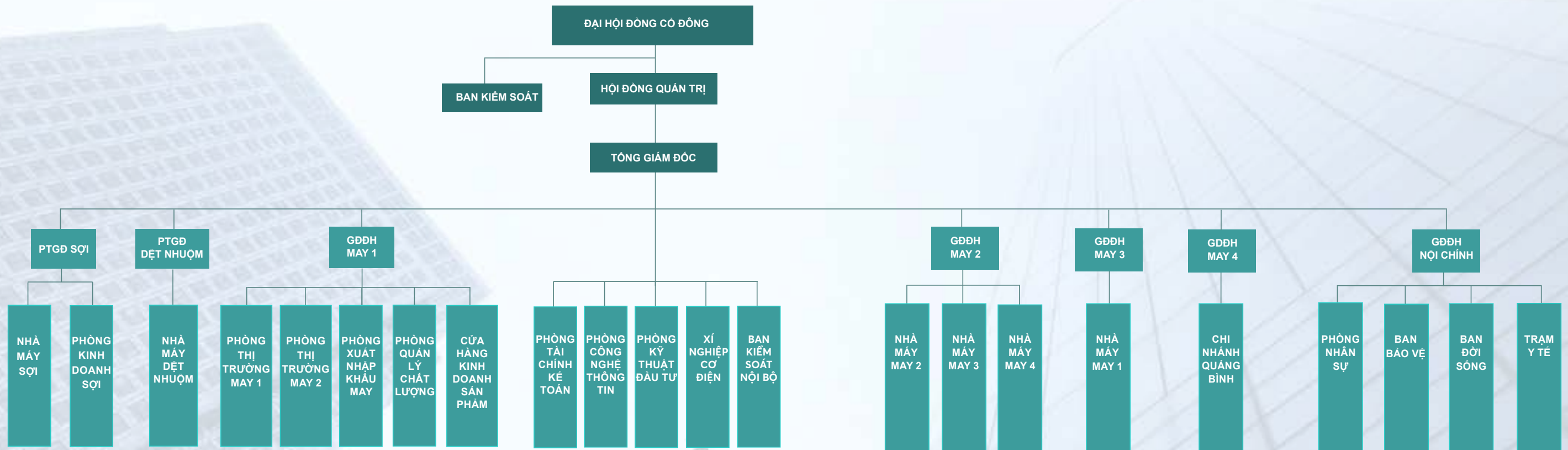


Các huân chương và cờ thi đua tiêu biểu



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch HĐQT	36.250	0,24%
2	Ông Nguyễn Bá Quang	Thành viên HĐQT	506.902	3,33%
3	Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên HĐQT kiêm TGD	63.162	0,41%
4	Ông Hồ Ngọc Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	58.874	0,39%
5	Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên HĐQT kiêm GĐĐH	37.263	0,24%

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN ĐỨC TRÍ
Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 09/02/1966

Nơi sinh: Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 36.250 cổ phần chiếm 0,24% VDL

Quá trình công tác:

03/1990 - 04/1994	Chuyên viên Công ty Thương mại tổng hợp Tam kỳ, Quảng Nam Đà Nẵng
05/1994 - 03/1997	Phó phòng KDXNK may Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng
04/1997 - 05/2001	Trưởng phòng KDXNK may Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng
05/2001 - 07/2001	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Hòa Thọ
08/2001 - 12/2005	Giám đốc điều hành Công ty Dệt May Hòa Thọ
01/2006 - 12/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Hòa Thọ, nay là Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ
03/2010 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Hòa Thọ - Quảng Nam
06/2017 - 31/7/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ
01/01/2019 - 31/12/2019	Giám Đốc Điều Hành Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
31/01/2011 - 01/08/2020	Tổng Giám đốc Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ
17/06/2017 - nay	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ
30/12/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam
29/05/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Hòa Thọ - Quảng Nam.

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông NGUYỄN BÁ QUANG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 07/06/1960

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ, Cử nhân Luật, Cử nhân chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 506.902 cổ phần chiếm 3,33% VDL

Quá trình công tác:

09/1980 - 11/1988	Cán bộ phòng Tài vụ CTCP Dệt May Huế
12/1988 - 04/1996	Kế toán trưởng CTCP Dệt May Huế
05/1996 - 01/2003	Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
01/2003 - 03/2018	Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
02/2009 - 05/2020	Chủ tịch HĐQT CTCP Dệt May Huế
05/2020 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Thịnh.

Năm sinh: 11/06/1961

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 63.162 cổ phần chiếm 0,41% VDL

Quá trình công tác:

10/1980 - 09/1996	Cán bộ nhà máy Sợi Huế CTCP Dệt May Huế
10/1996 - 09/1998	Bí thư Đoàn Thanh Niên CTCP Dệt May Huế
10/1998 - 12/2003	Phó phòng Tổ chức - Hành chính CTCP Dệt May Huế
01/2004 - 02/2004	Phó Giám đốc nhà máy May CTCP Dệt May Huế
03/2004 - 09/2007	Giám đốc nhà máy may CTCP Dệt May Huế
10/2007 - 12/2007	Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
01/2008 - 04/2008	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính CTCP Dệt May Huế
05/2008 - 09/2014	Trưởng BKS - Trưởng phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế
09/2014 - 03/2016	Giám đốc điều hành CTCP Dệt May Huế
03/2016 - 03/2018	Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
11/2017 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế
03/2018 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế

Ông HÒ NGỌC LAN

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 14/08/1963

Nơi sinh: Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Sợi – Dệt, Cử nhân Ngoại ngữ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 58.874 cổ phần chiếm 0,39% VDL

Quá trình công tác:

08/1988 - 03/1994	Cán bộ kỹ thuật nhà máy Sợi Huế CTCP Dệt May Huế
04/1994 - 09/2000	Phó Giám đốc nhà máy Dệt CTCP Dệt May Huế
10/2000 - 12/2002	Giám đốc nhà máy dệt CTCP Dệt May Huế
01/2003 - 11/2003	Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
12/2003 - 11/2005	Giám đốc điều hành CTCP Dệt May Huế
12/2005 - nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế
08/2008 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Đầu tư Dệt may Thiên An Phát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Dệt may Thiên An Phát

Ông NGUYỄN VĂN PHONG

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Bà NGUYỄN HỒNG LIÊN

Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc điều hành

Năm sinh: 08/11/1978

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 37.263 cổ phần chiếm 0,24% VDL

Quá trình công tác:

02/2000 - 11/2011	Chuyên viên phòng Kế hoạch - XNK CTCP Dệt may Huế
12/2011 - 12/2014	Phó phòng kế hoạch - XNK May CTCP Dệt may Huế
04/2013 - 04/2018	Trưởng BKS CTCP Dệt may Huế
01/2015 - 06/2019	Trưởng phòng kế hoạch - XNK CTCP Dệt may Huế
06/2019 - nay	Giám đốc điều hành CTCP Dệt May Huế
05/2020 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng BKS	7.975	0,05%
2	Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên BKS	5.800	0,04%
3	Ông Hồ Nam Phong	Thành viên BKS	17.768	0,12%

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà PHAN NỮ QUỲNH ANH

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 21/04/1988

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 7.975 cổ phần chiếm 0,05% VDL

Quá trình công tác:

07/2012 - 11/2014	Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Huế
10/2015 - 09/2017	Chuyên viên kế toán Ban đời sống CTCP Dệt May Huế
10/2017 - 05/2020	Chuyên viên BKT nội bộ CTCP Dệt may Huế
05/2020 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dệt may Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông HỒ NAM PHONG

Thành viên
Ban Kiểm soát

Năm sinh: 13/06/1980

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Toán

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 17.768 cổ phần chiếm 0,12% VDL

Quá trình công tác:

01/2013 - 12/2014	Chuyên viên phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế
01/2015 - 12/2018	Phó phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế
21/03/2015 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Dệt May Huế
01/2019 - đến nay	Trưởng phòng Nhân sự CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà PHẠM THỊ VÂN HÀ

Thành viên
Ban Kiểm soát

Năm sinh: 16/09/1982

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5.800 cổ phần chiếm 0,04% VDL

Quá trình công tác:

2006 - 2011	Chuyên viên phòng Thị trường Nhật Bản CTCP Hợp tác Lao động và TM
2011 - 2020	Chuyên viên Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam
04/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Dệt May Huế
2020 - nay	Chuyên viên Ban THPC Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	63.162	0,41%
2	Ông Hồ Ngọc Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	58.874	0,39%
3	Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Ông Nguyễn Tiến Hậu	Giám đốc điều hành	43.017	0,28%
5	Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành	37.263	0,24%
6	Ông Đào Văn Tư	Giám đốc điều hành	31.031	0,20%
7	Bà Trần Thị Thuần	Giám đốc điều hành	17.768	0,12%
8	Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành	16.588	0,11%
9	Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng	29.526	0,19%

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN VĂN PHONG - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục lý lịch Thành viên HĐQT

Ông Hồ Ngọc Lan - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Đã trình bày ở mục lý lịch Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc điều hành

Đã trình bày ở mục lý lịch Thành viên HĐQT

Ông LÊ HỒNG QUÂN

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 02/07/1974

Nơi sinh: Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Điện tử viễn thông

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không

Quá trình công tác:

04/1996 - 02/2003	Công tác tại CTCP Dệt May Huế
03/2003 - 03/2010	Công tác tại CTCP Sợi Phú Bài
01/2010 - 08/2010	Trưởng phòng Kỹ thuật ĐHSX CTCP Sợi Phú Bài
09/2010 - 11/2012	Giám đốc phụ trách Dây chuyền 1 – CTCP Sợi Phú Bài
12/2012 - 06/2022	Phó Tổng Giám đốc CTCP Sợi Phú Bài
2013 - 08/2016	Giám đốc Chi nhánh nhà máy Sợi Phú Xuyên
07/2022 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông NGUYỄN TIẾN HẬU

Giám đốc điều hành

Năm sinh: 20/09/1965

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 43.017 cổ phần chiếm 0,28% VDL

Quá trình công tác:

12/1988 - 12/1989	Tổ trưởng sản xuất, phân xưởng sợi, Nhà máy Sợi Huế
01/1990 - 03/1994	Trưởng ca, phân xưởng Sợi, Nhà máy Sợi Huế
04/1994 - 12/1999	Quản đốc phân xưởng nhà máy Sợi, Công ty Dệt Huế
01/2000 - 12/2002	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh CTCP Dệt may Huế
01/2003 - 12/2014	Phó phòng Tổ chức - Hành chính CTCP Dệt may Huế
01/2015 - 03/2018	Trưởng phòng Nhân sự CTCP Dệt may Huế
4/2018 - nay	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt may Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông ĐÀO VĂN TƯ

Giám đốc điều hành

Năm sinh: 20/10/1970

Nơi sinh: Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Cao đẳng May

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 31.031 cổ phần chiếm 0,20% VDL

Quá trình công tác:

12/1999 - 12/2001	Nhân viên phụ trách kỹ thuật nhà máy May – Công ty Dệt May Huế
01/2002 - 12/2004	Chuyên trưởng chuyên may – Công ty Dệt May Huế
01/2005 - 12/2007	Tổ trưởng Tổ kỹ thuật nhà máy May – CTCP Dệt May Huế
01/2008 - 12/2008	Tổ trưởng Tổ KCS nhà máy May – CTCP Dệt May Huế
01/2009 - 05/2013	Nhân viên phòng QLCL – CTCP Dệt May Huế
06/2013 - 08/2014	Phó phòng QLCL – CTCP Dệt May Huế
09/2014 - 12/2017	Giám đốc nhà máy May 2 – CTCP Dệt May Huế
01/2018 - 09/2018	Phó Giám đốc CN Quảng Bình kiêm GD nhà máy May Quảng Bình
10/2018 - 09/2021	Giám đốc nhà máy May 2 – CTCP Dệt May Huế
10/2021 - nay	Giám đốc Điều hành – CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông NGUYỄN BÁ KHÁNH TÙNG

Giám đốc điều hành

Năm sinh: 30/06/1986

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 16.588 cổ phần chiếm 0,11% VDL

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

12/2012 - 08/2014	Chuyên viên điều độ nhà máy May CTCP Dệt May Huế
09/2014 - 07/2018	Phó Giám đốc nhà máy May 1 – CTCP Dệt May Huế
08/2018 - 12/2028	Phó Giám đốc Phụ trách nhà máy May 1 CTCP Dệt May Huế
01/2019 - 06/2020	Giám đốc nhà máy May 1 CTCP Dệt May Huế
03/2019 - nay	Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình CTCP Dệt May Huế
07/2022 - nay	Giám đốc điều hành CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà TRẦN THỊ THUẦN

Giám đốc điều hành

Năm sinh: 10/10/1972

Nơi sinh: Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 17.768 ỏ phần chiếm 0,12% VDL

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Cao đẳng May

Quá trình công tác:

1990 - 1993	Văn thư Nhà máy Dệt Huế
1994 - 1998	Đi học tại trường Kỹ thuật Công nghiệp Nam Định
1998 - 2002	Cán bộ kỹ thuật nhà máy May – Công ty Dệt May Huế
2003 - 2009	Tổ trưởng Tổ Công nghệ nhà máy May – CTCP Dệt May Huế
2010 - 2013	Phó Giám đốc nhà máy May – CTCP Dệt May Huế
2014 - 2016	Phó phòng Quản lý Chất lượng – CTCP Dệt May Huế
2017 - 2018	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng – CTCP Dệt May Huế
2018 - 2019	TP Quản lý Chất lượng kiêm Giám đốc nhà máy May 2 – CTCP Dệt May Huế
2020 - nay	Giám đốc nhà máy May 1 – CTCP Dệt May Huế
07/2022 - nay	Giám đốc Điều hành CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà NGUYỄN KHÁNH CHI

Kế toán trưởng

Năm sinh: 16/12/1982

Nơi sinh: Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 29.526 cổ phần chiếm 0,19% VDL

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

03/2005 - 11/2011	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán CTCP Dệt May Huế
12/2011 - 09/2019	Phó Phòng Tài chính Kế toán CTCP Dệt May Huế
10/2019 - 01/2020	Trưởng Phòng Tài chính Kế toán CTCP Dệt May Huế
02/2020 - nay	Kế toán trưởng CTCP Dệt May Huế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Lê Công An	Giám đốc điều hành	24/03/2018	01/07/2022
2	Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2022	-
3	Bà Trần Thị Thuần	Giám đốc điều hành	01/07/2022	-
4	Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành	01/07/2022	-

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	31/12/2021	31/12/2022	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	4.939	4.732	96%
1	Đại học, trên Đại học	289	289	100%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	155	91	59%
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	4.495	4.352	97%
B	Theo đối tượng lao động	4.939	4.732	96%
1	Lao động trực tiếp	4.643	4.401	95%
2	Lao động gián tiếp	296	331	112%
C	Theo giới tính	4.939	4.732	96%
1	Nam	1.433	1.368	95%
2	Nữ	3.506	3.364	96%





NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

NGÀNH SỢI

- Trang thiết bị được nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản
- Gần 47.000 cọc sợi
- Sản lượng hàng năm: 10.500 tấn sợi



NGÀNH MAY

- Trên 80% là thiết bị tự động được nhập khẩu từ Đài Loan, Nhật, Đức,...
- Với 5 nhà máy May và 82 chuyền may
- Sản phẩm chính là áo Polo-Shirt, T-Shirt, Jacket, quần áo thể thao, quần áo trẻ em,...

NGÀNH DỆT NHUỘM

- Trang thiết bị được nhập khẩu từ EU, Đài Loan, Nhật Bản
- Sản lượng hàng năm: 1.500 tấn vải các loại Filament, TC, Cotton

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Báo cáo hoạt động và đánh giá của HĐQT
- 2 Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát
- 3 Báo cáo hoạt động của Ban Điều hành
- 4 Báo cáo quản trị rủi ro



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và tình hình thực tế của Công ty, năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Trong quá trình hoạt động Hội đồng Quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, được tiến hành hàng quý. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT, phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Các thành viên chủ chốt của Ban Điều hành và Ban kiểm soát được mời tham dự tại các phiên họp của Hội đồng quản trị được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc nhận được đầy đủ tài liệu đối với các trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch HĐQT	04	100%
2	Ông Nguyễn Bá Quang	Thành viên HĐQT	04	100%
3	Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên HĐQT kiêm TGD	04	100%
4	Ông Hồ Ngọc Lan	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	04	100%
5	Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên HĐQT kiêm GĐĐH	04	100%

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng quản trị; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng các cán bộ quản lý Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết 105/NQ-HĐQT	19/01/2022	Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022	100%
2	Nghị quyết 179/NQ-HĐQT	14/02/2021	Thành lập phòng Công nghệ thông tin.	100%
3	Nghị quyết 196/QĐ-HĐQT	25/02/2022	Thời gian cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	100%
4	Nghị quyết 197/NQ-HĐQT	25/02/2022	Thông qua việc triển khai dự án đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị sợi năm 2022	100%
5	Quyết định 241/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Quyết định ban hành Khung lương Ban Điều hành Công ty	100%
6	Quyết định 242/QĐ-HĐQT	18/03/2022	Quyết định mức lương Ban Điều hành Công ty	100%
7	Nghị quyết 301/NQ-HĐQT	14/04/2022	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý I và kế hoạch nhiệm vụ quý II	100%
8	Nghị quyết 302/NQ-HĐQT	14/04/2022	Thông qua các nội dung dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	100%
9	Nghị quyết 303/NQ-HĐQT	14/04/2022	Thông qua việc khen thưởng các thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát Công ty	100%
10	Nghị quyết 304/NQ-HĐQT	14/04/2022	Thông qua chủ trương bổ sung thành viên Ban Điều hành Công ty	100%
11	Nghị quyết 418/NQ-HĐQT	17/05/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2021	100%
12	Nghị quyết 419/NQ-HĐQT	17/05/2022	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021	100%
13	Nghị quyết 482/NQ-HĐQT	01/06/2022	Thông qua thời gian cuối cùng chốt danh sách chi trả cổ tức năm 2021	100%
14	Nghị quyết 526/NQ-HĐQT	14/06/2022	Triển khai bổ sung các dự án đầu tư trong năm 2022	100%
15	Nghị quyết 533/QĐ-HĐQT	15/06/2022	Triển khai dự án đầu tư xây dựng Hồ chỉ thị sinh học môi trường	100%



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	Nghị quyết 535/NQ-HĐQT	15/06/2022	Thông qua chuyên đổi loại cổ phiếu từ hạn chế chuyển nhượng sang chuyển nhượng tự do	100%
17	Quyết định 545/QĐ-HĐQT	21/06/2022	Quyết định phê duyệt triển khai dự án đầu tư chiều sâu thiết bị may 2022	100%
18	Quyết định 567, 568/QĐ-HĐQT	27/06/2022	Quyết định bổ nhiệm thành viên Ban Điều hành Công ty	100%
19	Quyết định 592/QĐ-HĐQT	01/07/2022	Quyết định đổi tên phòng Kinh doanh thành phòng Kinh doanh Sợi	100%
20	Nghị quyết 700/NQ-HĐQT	20/07/2022	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và kế hoạch nhiệm vụ 6 tháng cuối năm	100%
21	Nghị quyết 720/NQ-HĐQT	25/07/2022	Thông qua hợp đồng nguyên tắc việc thuê đất tại khu Công nghiệp Phú Bài	100%
22	Nghị quyết 1038/NQ-HĐQT	21/10/2022	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và kế hoạch nhiệm vụ 3 tháng cuối năm	100%
23	Quyết định 1042/QĐ-HĐQT	22/10/2022	Ban hành quy chế hoa hồng môi giới, đại lý	100%
24	Nghị quyết 1179/NQ-HĐQT	28/11/2022	Thông qua hạn mức vay vốn tại Ngân hàng BIDV	100%
25	Quyết định 1288/QĐ-HĐQT	23/12/2022	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án “Mua nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện có tại Nhà máy May Quảng Bình của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May miền Bắc - Vinatex”	100%



HĐQT họp tổng kết đánh giá kết quả SXKD 2022 & Phương hướng nhiệm vụ 2023





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2022	TH2022	TH2022/ KH2022
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.860	2.057	110,59%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	120	170,6v	142,17%

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bên cạnh các chỉ tiêu về phát triển kinh doanh, Hội đồng quản trị cũng luôn có trách nhiệm giám sát, thúc đẩy các hoạt động liên quan đến môi trường, đóng góp xã hội, nhằm hướng đến một sự phát triển toàn diện và bền vững của Công ty trong dài hạn.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Điều hành Công ty, trong điều kiện khó khăn đã hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.



Các thành viên trong Ban Điều hành đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.



Tổng Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc kỳ tới.



Ban Điều hành đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; quan tâm và không ngừng nâng cao chất lượng cán bộ quản lý của Công ty.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023:

Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ theo quy định để nghe các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành, báo cáo của Ban kiểm soát, thảo luận thông qua các báo cáo, đề án, dự án, kế hoạch, chính sách... trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, việc tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các Quy chế nội bộ của Công ty. Tổ chức các phiên họp đột xuất để giải quyết các công việc phát sinh theo thẩm quyền của HĐQT được quy định trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

Chỉ đạo Ban Điều hành tập trung công tác đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; đầu tư mở rộng quy mô sản xuất và đầu tư chiều sâu thiết bị theo hướng tự động hóa cao, công nghệ xanh, năng lượng sạch; tích cực quản trị dòng tiền, giảm thiểu rủi ro tài chính, xây dựng giải pháp, chiến lược nguồn tài chính cho công tác đầu tư chiều sâu và đào tạo nguồn nhân lực.

Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 và phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm 2023.

Triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch và mục tiêu sản xuất kinh doanh để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.932
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120
3	Tỷ lệ chia cổ tức		30%



TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO HĐQT NĂM 2022

Tiền lương và thù lao của HĐQT thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng BKS	02	100%
2	Ông Hồ Nam Phong	Thành viên BKS	02	100%
3	Bà Phạm Văn Hà	Thành viên BKS	02	100%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, hội ý để nắm bắt tình hình, công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Điều hành nhằm tăng cường giám sát, bảo đảm quyền lợi cho các cổ đông.

Cử đại diện tham dự các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động SXKD của Công ty, các chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT, công tác quản lý nguồn vốn, thu hồi công nợ.

Thẩm định báo cáo tài chính mỗi quý, báo cáo tài chính năm.

Hoạt động giám sát đối với HĐQT

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ và nhiều phiên họp lấy ý kiến khác, bám sát các chủ trương của ĐHCĐ để cùng thống nhất ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến định hướng phát triển cùng các giải pháp kinh doanh, đầu tư của Công ty nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.

Hội đồng quản trị cũng thường xuyên chỉ đạo, sâu sát tình hình và hỗ trợ Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện nghị quyết ĐHCĐ. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được ban hành đúng thẩm quyền, kịp thời, đáp ứng được yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động công bố thông tin của Công ty đã được thực hiện đầy đủ và tuân thủ quy định của pháp luật.

Hoạt động giám sát đối với Ban Điều hành:

Ban Điều hành đã triển khai hoạt động SXKD phù hợp, đầy đủ các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết HĐQT, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Ban Điều hành rất chú trọng đến việc quy hoạch và đào tạo cho đội ngũ quản lý kế cận, cán bộ trẻ. Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện bố trí, sắp xếp, sàng lọc, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý với tinh thần làm việc tốt nhất vì mục tiêu chung của Công ty.

Bên cạnh đó, Ban Điều hành đã xây dựng cơ chế lương thưởng gắn liền với hiệu quả công việc, giúp tạo động lực thúc đẩy năng suất làm việc, tăng hiệu quả SXKD, người lao động an tâm gắn bó với Công ty.

Với những sự thay đổi tích cực trong hoạt động điều hành, quản lý, Tổng Giám đốc đã thực hiện việc trao quyền cho Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và thực hiện giám sát hoạt động thông qua chế độ báo cáo định kỳ hằng tuần hoặc đột xuất. Thông qua việc trao quyền và ủy quyền đã tạo niềm tin cho cấp dưới, đã giúp đội ngũ quản lý cấp trung có thêm cơ hội và động lực để nâng cao năng lực, thể hiện bản thân, chủ động trong công việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành:

Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban Điều hành Công ty tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, việc thu thập thông tin cũng như tài liệu phục vụ công tác giám sát

Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát năm 2022:

Tiền lương và thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2022.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
I	Sản phẩm chủ yếu						
1	Sợi các loại (quy đổi Ne 30)	Tấn	10.016	10.500	9.970	99,54%	94,95%
2	Vải dệt kim	Tấn	992	800	1.260	127,02%	157,50%
3	Sản phẩm may	Ngàn chiếc	27.511	27.250	24.664	89,65%	90,51%
II	Giá trị SXCN	Tỷ đồng	1.814	1.830	1.986	109,48%	108,52%
III	Doanh thu	Tỷ đồng	1.885	1.860	2.057	109,12%	110,59%
1	Sợi	Tỷ đồng	696	720	762	109,48%	105,83%
2	May	Tỷ đồng	1.103	1.100	1.218	110,34%	110,64%
3	Khác (bao gồm Doanh thu cửa hàng và tài chính)	Tỷ đồng	86	40	77	89,53%	192,50%
V	Kim ngạch XK tính đủ	Tr. USD	143	133	131	91,61%	98,50%
1	Sợi (kể cả KDTM)	Tr. USD	27	28	28	103,70%	100,00%
2	May	Tr. USD	116	105	103	88,79%	98,10%
VII	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	142	120	171	120,14%	142,17%
VIII	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	36	32	57	158,33%	178,13%



Về công tác thị trường: Mặc dù tình hình thị trường hết sức khó khăn trong những tháng cuối năm 2022 nhưng phòng Kinh doanh Sợi và các phòng Thị trường May đã tích cực khai thác thị trường, tìm kiếm đơn hàng để duy trì sản xuất cho ngành Sợi, ngành Dệt Nhuộm và ngành May, đảm bảo nâng cao hiệu quả, ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động.

Về công tác tài chính: Công ty luôn đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, tăng quy mô vốn điều lệ lên 152 tỷ đồng, nghiên cứu sử dụng các chỉ số Z-score đánh giá sức khỏe tài chính, cảnh báo rủi ro. Đồng thời, xây dựng kế hoạch vốn linh hoạt, đảm bảo khả năng thanh toán, an toàn tài chính, nâng cấp các báo cáo quản trị theo ngành.

Về công tác nguồn nhân lực:

- Lao động bình quân năm 2022 là 4.802 người, giảm 45 người so với năm 2021.
- Trong năm, Công ty đã bổ nhiệm 03 cán bộ Lãnh đạo và 12 Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc, đồng thời, thành lập phòng Công nghệ Thông tin, đáp ứng yêu cầu công việc của các đơn vị và hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức được các khóa đào tạo Phương pháp thay đổi tư duy Lãnh đạo và quản lý (86 cán bộ Lãnh đạo, quản lý), Tài năng trẻ - Young Talent (32 cán bộ trẻ dưới 35 tuổi), Lãnh đạo mới bổ nhiệm (06 Lãnh đạo), Giám đốc Xí nghiệp Dệt May thành viên khoá VII (37 cán bộ quản lý, cán bộ trong quy hoạch) và các khóa đào tạo cập nhật tiêu chuẩn khách hàng, cập nhật kiến thức ATVSTP, ATVSLĐ, PCCC, an ninh, quy trình sản xuất Công ty.
- Thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 9.368.000 đồng/người/tháng, tăng 9,6% so với thu nhập bình quân năm 2021.

Về công tác quản trị sản xuất: Các nhà máy đã thực hiện tốt hoạt động sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm, quản trị tốt chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, chất lượng sản phẩm của Công ty luôn ổn định, được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

Về công tác đầu tư: Công ty đã triển khai 14 dự án đầu tư (trong đó có 06 dự án đầu tư cho ngành May, 04 dự án đầu tư cho ngành Sợi và 04 dự án đầu tư cho PCCC, bảo vệ môi trường, văn phòng). Tổng mức đầu tư của các dự án là 565 tỷ đồng. Số tiền giải ngân trong năm 2022 là 151 tỷ đồng.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
Chi phí nguyên vật liệu	825.871.470.788	944.694.164.843	114,39%
Chi phí nhân công	641.161.173.441	675.294.827.694	105,32%
Chi phí khấu hao	53.750.761.353	56.013.199.085	104,21%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161.191.437.215	166.461.358.890	103,27%
Chi phí khác	34.269.404.743	43.477.144.333	126,87%
Cộng	1.716.244.247.540	1.885.940.694.845	109,89%

Lĩnh vực sợi

Năm 2022, tổng sản lượng ghi nhận là 9.970 tấn sợi Ne30, đạt 95% kế hoạch năm và giảm 7% so với cùng kỳ. Hoạt động sản xuất kinh doanh mảng sợi của Công ty đạt kết quả tốt giai đoạn 6 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngành Sợi trong 6 tháng cuối năm bị tác động mạnh bởi nhu cầu thấp của thị trường, giá bông biến động, giá sợi giảm mạnh, tồn kho cao, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra.

Năng suất lao động bình quân đạt 86 kg sợi Ne30/công, tăng 16,7% so với bình quân năm 2021. Và đặc biệt, 100% sợi sản xuất của Công ty đều đạt loại I. Trong năm, Công ty bổ sung, thay thế một số thiết bị giúp tăng năng suất lao động và ổn định chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện một số giải pháp giúp tiết kiệm chi phí, tạo điều kiện cho công tác bán hàng.

Lĩnh vực Dệt nhuộm

Tổng sản lượng vải dệt nhuộm trong năm của Công ty đạt 1.260 tấn, vượt 57,50% so với kế hoạch đề ra, tăng 27,02% so với năm 2021. Chất lượng duy trì ở mức cao, ghi nhận đến 98,8% là thành phẩm loại A.

Lĩnh vực May

Tổng doanh thu năm 2022 ghi nhận 1.217 tỷ đồng, đạt 110,64% so với KH và 110,34% so với năm trước. Tuy vậy, đơn hàng, thị trường ngành May trong những tháng cuối năm gặp nhiều khó khăn do tác động của suy thoái kinh tế, cầu dệt may giảm.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	931.077.908.376	1.158.364.160.536	124,41%
Doanh thu thuần	1.858.867.600.535	2.010.435.477.164	108,15%
Giá vốn hàng bán	1.707.182.782.119	1.707.182.782.119	109,21%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	138.757.633.947	169.435.663.812	122,11%
Lợi nhuận khác	2.984.401.372	1.170.050.902	39,21%
Lợi nhuận trước thuế	141.742.035.319	170.605.714.714	120,36%
Lợi nhuận sau thuế	112.530.772.029	137.777.539.923	122,44%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60%	Dự kiến 72%	-



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,66	0,61
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67,74	64,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	210,02	183,97
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,08	4,73
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,42	2,36
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	6,05	6,85
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	45,44	38,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	14,68	16,15
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,46	8,43



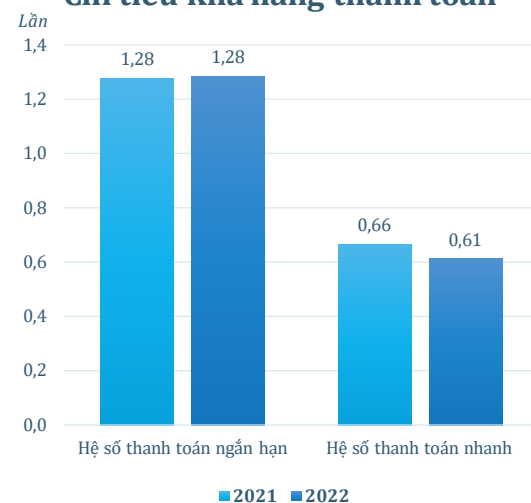
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tình hình về khả năng thanh toán của Công ty trong năm vừa qua không có nhiều sự thay đổi. Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giữ nguyên như năm trước với 1,28 lần. Hệ số thanh toán nhanh thì có sự giảm nhẹ từ 0,66 lần xuống 0,61 lần. Trong năm, Tài sản ngắn hạn và Nợ ngắn hạn của Công ty đều tăng trưởng với mức tăng tương đương, trong khi Hàng tồn kho lại có tốc độ tăng mạnh hơn. Cụ thể, Tài sản ngắn hạn đã tăng 17,60% lên mức 775.211,40 triệu đồng vào cuối năm và Nợ ngắn hạn tăng 16,83%, lên mức 603.899,57 triệu đồng. Trong khi đó, Hàng tồn kho tăng mạnh từ 315.566,76 triệu đồng cuối năm 2021 lên thành 406.806,76 triệu đồng cuối năm nay, tương ứng tăng 28,91%.

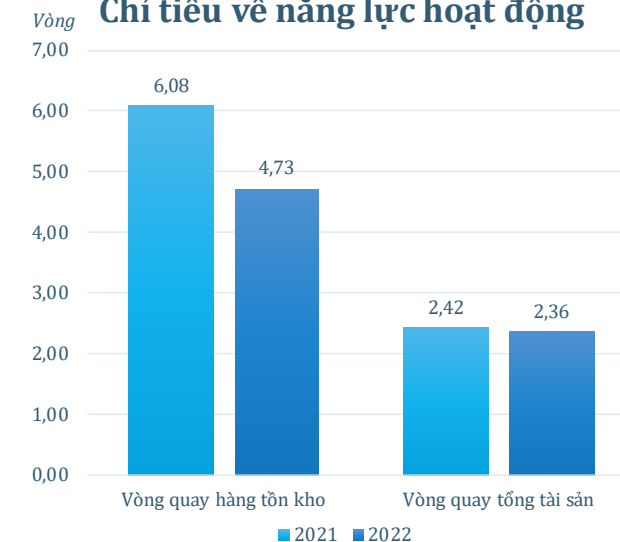
Chỉ tiêu khả năng thanh toán



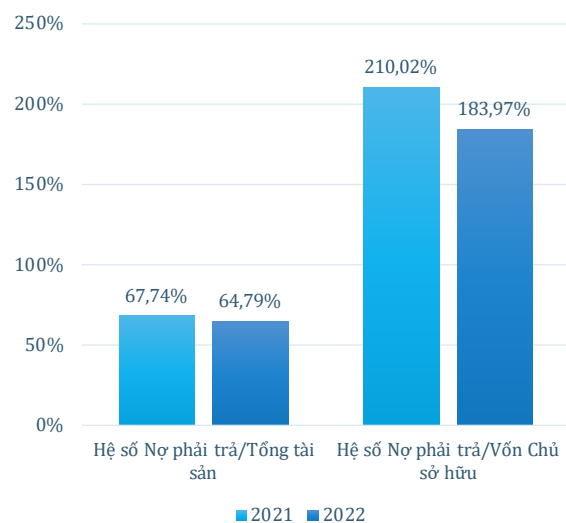
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Đối với các chỉ tiêu về năng lực hoạt động, trong khi Vòng quay Tổng tài sản không quá nhiều thay đổi, thì Vòng quay Hàng tồn kho ghi nhận sự sụt giảm khá mạnh, từ 6,08 vòng năm 2021 xuống còn 4,73 vòng năm nay. Giá vốn hàng bán năm nay ghi nhận tăng so với năm trước, từ 1.563.217,14 triệu đồng lên 1.707.182,78 triệu đồng năm nay, tương ứng tăng 9,21%. Trong khi đó, Hàng tồn kho tăng đến 28,91%, lên mức 406.806,76 triệu đồng cuối năm nay. Tình hình hoạt động kinh doanh và xuất khẩu của Công ty gặp nhiều khó khăn giai đoạn cuối năm, thị trường tiêu thụ giảm sức mua, việc tồn ứ hàng tồn kho vì thế cũng là điều khó tránh khỏi. Đây là nguyên nhân chính cho sự giảm Vòng quay Hàng tồn kho của Công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



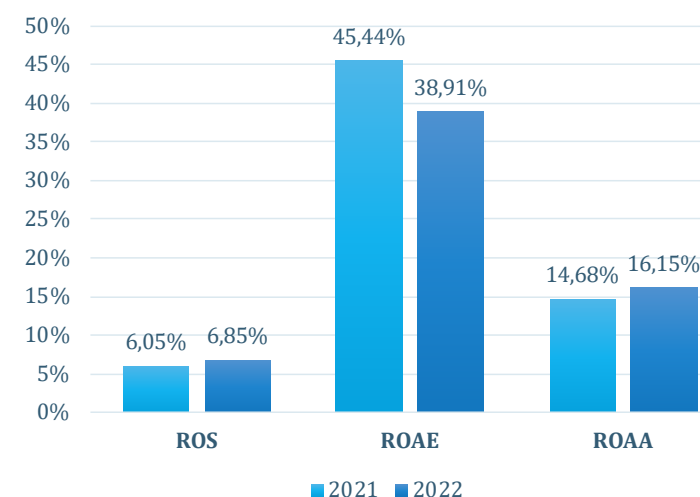
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn ghi nhận sự giảm so với năm trước. Cụ thể, Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản năm 2022 giảm nhẹ còn 64,79%, tương ứng giảm 2,95% so với năm trước. Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu giảm từ 210,02% năm 2021 xuống còn 183,97% năm nay, ghi nhận giảm tương ứng 26,05%. Năm qua, việc giữ lại lợi nhuận từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức thay vì trả hết cổ tức bằng tiền cộng với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi đã giúp Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng mạnh, từ 300.330,44 triệu đồng cuối năm trước lên 407.912,29 triệu đồng cuối năm nay, tương ứng tăng 35,82%.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Với tình hình suy giảm sức tiêu thụ hàng dệt may trên toàn cầu vào giai đoạn nửa cuối năm 2022, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì thế cũng bị ảnh hưởng. Tuy vậy, tổng quan cả năm 2022 thì Công ty vẫn ghi nhận kết quả tốt. Lợi nhuận sau thuế của Công ty ghi nhận 137.777,54 triệu đồng, tăng trưởng 22,44% so với năm 2021. Hệ số ROS và ROAA tăng nhẹ so với năm trước, ghi nhận lần lượt là 6,51% và 15,34% năm 2022. Riêng Hệ số ROAE thì lại ghi nhận giảm 6,53%, từ 45,44% xuống còn 38,91% năm nay. Nguyên nhân đến từ việc Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng mạnh vào cuối kỳ, với mức tăng 33,51%, từ 300.330,44 triệu đồng đầu kỳ lên thành 407.912,29 triệu đồng cuối năm nay.



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		TH 2022/ TH 2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	659.203.131.259	70,80%	775.211.399.015	66,92%	117,60%
Tài sản dài hạn	271.874.777.117	29,20%	383.152.761.521	33,08%	140,93%
Tổng tài sản	931.077.908.376	100,00%	1.158.364.160.536	100,00%	124,41%

Là một doanh nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty. Tại ngày 31/12/2022, Tài sản ngắn hạn chiếm 66,92% Tổng tài sản của Công ty và Tài sản dài hạn chiếm 33,08% Tổng tài sản. Hết năm, Tổng tài sản Công ty ghi nhận tăng trưởng 24,41% so với hồi đầu kỳ, tương ứng 1.158.364,16 triệu đồng. Trong đó, đóng góp lớn đến từ tăng trưởng Tài sản dài hạn, với mức tăng lên đến hơn 40,93%, tương ứng 383.152,76 triệu đồng ghi nhận vào cuối năm. Trong năm, việc thực hiện đầu tư xây dựng, mở rộng các nhà máy đã giúp tài sản dài hạn Công ty tăng mạnh. Tài sản cố định vì thế cũng tăng 21,08%, lên mức 302.149,23 triệu đồng vào cuối năm. Bên cạnh đó, khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng ghi nhận 37.575,17 triệu đồng vào cuối kỳ từ con số 3.355,25 triệu đồng hồi đầu năm.

Tài sản cố định hữu hình

ĐVT: đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa	291.311.861.194	123.291.606.307	42,32%
Máy móc, thiết bị	677.978.514.779	160.447.614.349	23,67%
Phương tiện vận chuyển	25.676.179.678	8.105.982.464	31,57%
Thiết bị quản lý	10.688.205.373	1.650.998.583	15,45%
TSCĐ hữu hình khác	9.468.229.110	8.486.502.632	89,63%
Cộng	1.015.052.990.134	301.982.704.335	29,75%

Tài sản cố định vô hình

ĐVT: đồng

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Phần mềm máy tính	2.616.307.810	166.529.750	6,37%
Cộng	2.616.307.810	166.529.750	6,37%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		TH 2022/ TH 2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	516.909.485.268	81,95%	603.899.574.369	80,47%	116,83%
Nợ dài hạn	113.837.986.810	18,05%	146.552.300.464	19,53%	128,74%
Tổng Nợ phải trả	630.747.472.078	100,00%	750.451.874.833	100,00%	118,98%

Cơ cấu Nợ phải trả của Công ty cho thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được tài trợ bởi Nợ ngắn hạn. Năm 2022, tỷ trọng Nợ ngắn hạn chiếm 80,47% Tổng Nợ phải trả của Công ty. Tổng Nợ phải trả của Công ty vào cuối năm 2022 ghi nhận là 750.444,10 triệu đồng, tăng 18,98% so với đầu kỳ. Trong đó, Nợ ngắn hạn tăng 16,83% và Nợ dài hạn tăng 28,74%. Sự tăng trưởng của Nợ ngắn hạn và Nợ dài hạn đến từ việc gia tăng vay nợ trong năm. Trong đó, các khoản vay ngắn hạn ghi nhận mức tăng đến 88,04%, tương ứng tăng từ 153.289,61 triệu đồng cuối năm 2021 lên 288.244,11 triệu đồng cuối năm nay. Còn Nợ dài hạn đều được cấu thành từ khoản vay dài hạn tại các Ngân hàng. Việc gia tăng các khoản vay trong năm của Công ty cũng mang lại áp lực về chi phí tài chính trong bối cảnh lãi suất đang tăng cao như hiện nay.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về công tác hệ thống

Trong năm 2022, Công ty đã tiếp đón 27 đợt đánh giá chính thức từ khách hàng (gồm 06 đợt đánh giá hệ thống QLCL, 15 đợt đánh giá hệ thống TNvXH, 02 đợt đánh giá hệ thống an ninh và 04 đợt đánh giá hệ thống quản lý môi trường), các cuộc đánh giá đều đạt kết quả tốt, qua đó góp phần đảm bảo thuận lợi cho công tác đơn hàng; các hệ thống quản lý của Công ty được cải tiến liên tục phù hợp với tình hình, hoạt động thực tế của các đơn vị, đã tổ chức 02 đợt đánh giá nội bộ vào tháng 7 và tháng 10 để tiếp tục tìm kiếm các điểm cần cải tiến trong toàn hệ thống nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của các hệ thống quản lý tại các đơn vị.

Về công tác chuyển đổi số

Công ty đã triển khai phần mềm quản trị sản xuất ngành Sợi giai đoạn I theo module chung của Tập đoàn; xây dựng và triển khai các module quản lý lao động, quản lý thiết bị, quản lý chất lượng thuộc phần mềm quản trị sản xuất ngành May tại các nhà máy May, các phần mềm quản lý báo cáo, phần mềm quản lý tài liệu phục vụ công tác hành chính, văn phòng.

KẾ HOẠCH, GIẢI PHÁP NĂM 2023

CÁC CHỈ TIÊU SXKD

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.932
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	120
3	Tổng khấu hao trích trong năm	Tỷ đồng	72
4	Kim ngạch xuất khẩu tính đủ	Triệu USD	130,5
5	Các sản phẩm chủ yếu		
	- Sản lượng sợi (Ne30)	Tấn	10.440
	- Sản lượng vải	Tấn	1.260
	- Sản phẩm may	Triệu sản phẩm	25,1
6	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	9.260.000

Về công tác quản trị doanh nghiệp

Công ty luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ trong quá trình hoạt động, nghiêm túc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã ban hành.

Hoạt động kiểm soát nội bộ

Trong năm 2022, Hoạt động kiểm soát nội bộ cũng đã mang đến những hiệu quả tích cực khi đã thực hiện kiểm tra, phát hiện được các rủi ro, sai sót trong hồ sơ các dự án và công tác quản lý số liệu tại các đơn vị, đề xuất các giải pháp khắc phục và kiểm soát kết quả khắc phục của các đơn vị.

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Lĩnh vực Sợi

- Duy trì thị trường, thâm nhập và tăng sản lượng xuất bán tại các thị trường Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippine, Malaysia, phát triển sản phẩm mới theo nhu cầu thị trường, phù hợp năng lực nhà máy.
- Cập nhật thông tin liên tục, xây dựng các kịch bản điều hành sản xuất, kinh doanh từng tháng, quý.
- Quản trị chi phí, khai thác tối đa thiết bị sau đầu tư, tăng NSLĐ, đảm bảo hiệu quả SXKD.

2. Lĩnh vực Dệt Nhuộm:

- Nghiên cứu, phát triển thêm các mẫu vải mới với chất liệu mới phù hợp với thị hiếu, nhu cầu của thị trường để có thêm đơn hàng.
- Tiếp tục tìm kiếm thêm đơn hàng gia công, tham gia các chuỗi cung ứng dệt may trong nước để huy động tối đa năng lực sản xuất của nhà máy, góp phần tăng hiệu quả cho Công ty.
- Trang bị thêm một số thiết bị mới (stenter, máy pha màu tự động, máy dệt cổ Jacquard) cân đối năng lực dệt – nhuộm – hoàn tất.
- Xây dựng phương án giải quyết triệt để tình trạng thiếu hơi, nhiệt phục vụ hoạt động sản xuất kéo dài từ năm 2022 đến nay.

3. Lĩnh vực May:

- Tổ chức tìm kiếm thêm thị trường mới, tránh rủi ro phụ thuộc vào một thị trường chính, chấp nhận các rủi ro có cân nhắc nhằm đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và hiệu quả SXKD Công ty.
- Triển khai phương án di dời, ổn định sản xuất đối với nhà máy May 1 khi thực hiện dự án nhà máy may 3 tầng.
- Phát triển thêm khách hàng, thị trường ngách, tăng tỷ lệ FOB để tăng hiệu quả.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ OQL < 2%, tỷ lệ trả lại chuyên < 5% để đảm bảo uy tín đối với khách hàng.
- Tập trung tổ chức sản xuất, khai thác tối đa năng lực của các thiết bị đã được đầu tư nhằm nâng cao năng suất và sản lượng, góp phần tăng hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

4. Lĩnh vực Nội chính – Tài chính:

- Cải tiến phương án tiền lương, thưởng, cơ chế tạo động lực việc phù hợp với năng lực, đóng góp của cá nhân, đơn vị nhằm tiếp tục nâng cao hiệu suất công việc.
- Triển khai các khóa đào tạo cán bộ Lãnh đạo, quản lý, cán bộ quy hoạch, học kỳ II chương trình đào tạo Tài năng trẻ (Young Talent); xây dựng, triển khai các khóa đào tạo cán bộ quản lý cấp cơ sở, cán bộ kỹ thuật cho các nhà máy.
- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ tính hiệu lực của hệ thống.
- Đánh giá, lựa chọn nhiều nhà cung ứng trong tất cả các lĩnh vực (thực phẩm, bảo hiểm, vận chuyển,...) để có sự phục vụ tối ưu.
- Hoàn thiện các module phần mềm quản trị sản xuất ngành May; đánh giá hiệu quả triển khai phần mềm quản trị sản xuất ngành Sợi, đề xuất phương án khai thác tối ưu các tiện ích phần mềm; nghiên cứu triển khai các phần mềm quản trị Dệt Nhuộm và công tác văn phòng, thị trường, chuỗi cung ứng.
- Xây dựng phương án tài chính, phương án huy động vốn phù hợp để đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động SXKD và công tác đầu tư; theo dõi sát sao nguồn tiền về để thu nợ kịp thời, tiết kiệm chi phí lãi vay.g) Tiếp tục xây dựng, phát huy và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp đến từng CBCNV để xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững chắc và hội nhập với văn hóa toàn cầu



HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2022

Trải qua một năm 2022 với 2 mảng sáng – tối khác nhau giữa 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm, với nền tảng quản trị doanh nghiệp phù hợp, trong đó có hoạt động quản trị rủi ro (QTRR), Công ty Cổ phần Dệt May Huế đã làm tốt công tác dự báo, kiểm soát được các biến động khó lường của thị trường, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD Đại hội đồng cổ đông năm 2022 giao.

Năm 2022, hoạt động quản trị rủi ro của Công ty tập trung vào các nội dung chính sau:

- Chú trọng công tác dự báo sát với diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, diễn biến của thị trường để xây dựng các kịch bản sản xuất kinh doanh từng quý, cập nhật hàng tháng, đưa ra các giải pháp điều hành, quản lý kịp thời để phòng tránh và giảm thiểu tác động rủi ro.

- Sử dụng chỉ số Z-score để đánh giá sức khỏe tài chính, cảnh báo các rủi ro tài chính của Công ty và đưa ra các giải pháp quản lý phù hợp.

- Đẩy mạnh hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ, thực hiện kiểm tra, phát hiện được các rủi ro, sai sót trong hồ sơ các dự án và công tác quản lý số liệu tại các đơn vị, đề xuất các giải pháp khắc phục và kiểm soát kết quả khắc phục của các đơn vị.

- Thực hiện đánh giá rủi ro chi tiết cho tất cả các quá trình xuyên suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra của các quá trình phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn của khách hàng, không để vấn đề chất lượng sản phẩm trở thành nguyên nhân để khách hàng hủy đơn hàng trong điều kiện nhu cầu mật hàng may mặc phổ thông giảm.

- Tổ chức đánh giá nội bộ 2 lần trong năm 2022 để rà soát lại toàn bộ các hoạt động của các đơn vị trực thuộc, phát hiện và khắc phục kịp thời những điểm không phù hợp của hệ thống.

KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2023

- Tiếp tục triển khai và nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác dự báo, cập nhật liên tục tình hình kinh tế, tình hình thị trường và giá cả của hàng hoá, nguyên phụ liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Xây dựng chương trình hành động liên quan đến phát triển bền vững, sản xuất xanh để giảm thiểu, phòng ngừa các rủi ro liên quan đến con người, môi trường, đảm bảo định hướng phát triển của Công ty phù hợp với xu hướng của thị trường, khách hàng chiến lược, nâng cao vị thế trong chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, sự tin nhiệm từ phía đối tác và khách hàng.

- Số hoá công tác quản trị rủi ro bằng cách nghiên cứu, phát triển module quản trị rủi ro cho phép liên kết số liệu sản xuất kinh doanh hằng ngày với bảng đánh giá rủi ro các quá trình, khâu vị rủi ro của Công ty nhằm cảnh báo sớm những rủi ro phát sinh trong hoạt động hàng ngày.

A wide-angle photograph of a busy garment factory. Numerous workers, mostly women wearing light blue uniforms and face masks, are seated at long rows of sewing machines. The machines are white and have the brand name 'verbond' visible. The factory floor is light-colored with yellow safety lines. In the foreground, there are blue plastic bins filled with fabric pieces. The background shows the high ceiling of the factory with industrial lighting and structural beams.

03

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN

Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 15.224.701 cổ phiếu **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 15.224.701 cổ phiếu **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 22/03/2023

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	877	15.217.633	99,95%
2	Cá nhân	871	3.923.406	25,77%
3	Tổ chức	6	11.294.227	74,18%
II	Cổ đông nước ngoài	4	7.068	0,05%
1	Cá nhân	4	7.068	0,05%
2	Tổ chức	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I+II+III)		881	15.224.701	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 5%



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại ngày 22/03/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	9.265.244	60,68%
2	Công ty TNHH Tường Long	1.295.936	8,51%
Tổng cộng		10.561.180	69,19%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2005	-	30.000.000.000	Công ty thực hiện cổ phần hóa	ĐHĐCĐ, Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh TT - Huế
2012	19.995.570.000	49.995.570.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%; Phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 15:7	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2016	50.004.430.000	100.000.000.000	Chào bán phát hành cho cổ đông hiện hữu: 47.504.650.000 đồng; Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) 2.499.780.000 đồng.	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2021	5.000.000.000	105.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2022	47.247.010.000	152.247.010.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 45%	ĐHĐCĐ, UBCKNN

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan: không

04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 1 Môi trường và năng lượng
- 2 Chính sách liên quan đến người lao động
- 3 Hoạt động cộng đồng



MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần Dệt may Huế hoạt động trong một lĩnh vực tác động rất lớn đến môi trường. Do đó, Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với những yêu cầu về an toàn môi trường. Công ty luôn có các biện pháp kiểm soát chất lượng và quản lý tốt hơn về các sản phẩm từ khâu nguyên liệu đầu vào đến khâu sản xuất. Qua đó, Công ty luôn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, vừa phát triển được hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo công tác an toàn môi trường.

TUÂN THỦ LUẬT PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quan sạch đẹp tại các nhà máy cũng như văn phòng làm việc.

Trong năm, Công ty luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Nhờ thế, Công ty đã không vi phạm bất kỳ điều gì về pháp luật và các quy định về môi trường trong năm. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, các hoạt động tuyên truyền luôn được thực hiện.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Theo thiết kế	Mức sản xuất hiện tại
Sản phẩm sợi Ne:30	Tấn	13.200	9.970
Sản phẩm Nhuộm	Tấn	1.250	1260
Sản phẩm May	nghìn chiếc	21.500	25.910



NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Lượng tiêu thụ
Than đá	Tấn	33,2
Hơi mua ngoài	Tấn	15.850
Nhiệt	Tấn	695,2
Điện năng mua từ lưới điện	kWh	37.103.558

LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ

Tổng lượng nước sử dụng của Công ty trong năm là 348.771 m³

Nguồn nước sử dụng của Công ty được cung cấp bởi CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế, là đơn vị cung cấp nước sạch trên toàn địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty hiểu rõ rằng nước là một tài nguyên quan trọng và thiết yếu cho sự sống của con người và môi trường xung quanh. Vì thế, Công ty đặt mục tiêu quản lý và sử dụng nguồn nước một cách bền vững và hiệu quả.

Giải pháp khác nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Nâng cao nhận thức của toàn thể CBCNV trong Công ty về nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng, nâng cao ý thức tự giác tiết kiệm năng lượng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội bền vững.
- Kêu gọi toàn thể CBCNV tiết kiệm chi phí sản xuất, sử dụng điện hợp lý đặc biệt là sử dụng điện thực sự hiệu quả vào giờ cao điểm.
- Điều độ hợp lý dây chuyền, giảm thiểu tối đa vận hành máy công nghệ ở chế độ không tải và non tải. Đặc biệt là các phụ tải sản xuất ở nhà máy Sợi, nhà máy May, nhà máy Dệt nhuộm.
- Tối ưu hoá việc bảo dưỡng máy móc thiết bị và thực hiện vào giờ cao điểm.
- Vận hành hệ thống điều không thông gió hợp lý; tùy theo thời tiết, yêu cầu công nghệ để vận hành quạt hút, quạt đẩy 55 kW, 22 kW hợp lý. Hạn chế vận hành quạt hút, quạt đẩy 55 kW đặc biệt vào giờ cao điểm.
- Bám sát phụ tải của các nhà máy để có yêu cầu, biện pháp giảm tải sản xuất vào giờ cao điểm và huy động tối đa công suất vào giờ thấp điểm.
- Huy động công suất đầu máy tối đa vào giờ thấp điểm và giờ bình thường, đặc biệt là huy động hết công suất đầu máy vào ngày chủ nhật của nhà máy Sợi, nhà máy Dệt nhuộm. Rà soát, tối ưu hóa chế độ vận hành một số máy công nghệ nhằm tiết kiệm năng lượng.
- Bổ sung các băng gôn, khẩu hiệu tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch năm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, năm 2022 đã thực hiện xong việc kiểm toán năng lượng theo thông tư 09/2012 TT-BCT.
- Công ty đầu tư bổ sung thiết bị mới và thiết bị tự động để tiết kiệm năng lượng.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công tác chăm lo đời sống cho người lao động

Nâng cao thu nhập, công việc ổn định và chăm lo đời sống, tạo môi trường làm việc an toàn cho CBCNV Công ty. Trong năm, Công ty vinh dự được nhận danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam:

Bố trí xe đưa đón CBCNV làm việc tại Nhà máy May 4, tặng tiền ăn ca 3 của Nhà máy Sợi từ 20.000 đồng/người lên 24.000 đồng/người.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, áp dụng hệ thống TNXH theo tiêu chuẩn SA 8000.

Đảm bảo chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể cho toàn thể CBCNV Công ty.

Trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ cho CBCNV theo đúng đối tượng và đúng công việc, nhận được bằng khen của Công đoàn Dệt May Việt Nam về thực hiện chính sách và đảm bảo ATVSLĐ.

Nội quy, quy chế PCCN được phổ biến thường xuyên đến người lao động, mời công an PCCC của tỉnh đào tạo 1 năm 2 khoá huấn luyện nghiệp vụ về công tác PCCN cho CBCNV Công ty.

Tổ chức khám chữa bệnh định kỳ mỗi năm hai lần cho toàn thể cán bộ công nhân viên, qua đó kịp thời phát hiện những CBCNV mắc bệnh nghề nghiệp gửi đi điều trị hoặc sắp xếp công việc phù hợp.

Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19, thích ứng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

100% người lao động tha gia tổ chức Công đoàn. Công đoàn Công ty thực hiện tốt vai trò của tổ chức, thật sự là tổ chức bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho người lao động.

Công tác thi đua, phong trào sáng kiến kỹ thuật

Hội đồng thi đua khen thưởng đã đổi mới hoạt động thi đua phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, khen thưởng Quý và Năm cho các cá nhân, tập thể có kết quả tốt trong phong trào thi đua sản xuất.

Tổ chức và tham gia các hoạt động phong trào sáng kiến kỹ thuật:

- Đạt giải ba Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ XII với đề tài thiết bị cấp móc treo tự động.
- Đạt giải nhì sáng kiến kỹ thuật ngày hội lao động sáng tạo ngành dệt may Việt Nam với đề tài phần mềm quản lý chất lượng công đoạn may.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Ngoài nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty đã tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao: Tham gia giải bóng đá đoàn Khối đạt giải nhì; Phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân ngày Thương binh Liệt sỹ, thăm các mẹ Việt Nam Anh Hùng định kỳ hàng quý và các ngày Lễ,....

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Nhà nước thực hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, phòng trào đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo... Trong năm 2022, Công ty đã có những hỗ trợ cho CBCNV gặp khó khăn, thăm hỏi các gia đình chính sách, cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn, các tổ chức xã hội từ thiện, thăm đồn biên phòng Phong Hải, xã Hồng Vân huyện A Lưới; Tặng quà cho CBCNV gặp hoàn cảnh khó khăn; tổ chức chương trình “Tết sum vầy” cho người lao động với tổng số tiền trên 2,7 tỷ đồng.



A person's hands are shown in the foreground, holding a white pen and pointing at a document. The document features various charts and graphs, including a bar chart and a pie chart. The background is a blurred office desk with a laptop and other papers. The overall scene suggests a professional setting, likely related to financial reporting or auditing.

05

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2022**



Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Signature Not Verified

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ
Ký ngày: 30/3/2023 10:51:59

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 22 tháng 7 năm 2022. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Trí Ông Nguyễn Bá Quang Ông Hồ Ngọc Lan Ông Nguyễn Văn Phong Bà Nguyễn Hồng Liên	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Phong Ông Hồ Ngọc Lan Ông Lê Hồng Quân Ông Nguyễn Tiến Hậu Bà Nguyễn Hồng Liên Ông Đào Văn Tư Bà Trần Thị Thuần Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng Ông Lê Công An	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/7/2022) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành (từ ngày 1/7/2022) Giám đốc điều hành (từ ngày 1/7/2022) Giám đốc điều hành (đến ngày 1/7/2022)
Ban Kiểm soát	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh Bà Phạm Thị Vân Hà Ông Hồ Nam Phong	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**
Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00317-23-1



Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2023

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		775.211.399.015	659.203.131.259
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	100.028.543.344	151.092.638.505
Tiền	111		10.116.208.368	8.685.624.807
Các khoản tương đương tiền	112		89.912.334.976	142.407.013.698
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.000.000.000	32.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	42.000.000.000	32.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.716.127.815	148.681.097.658
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	192.764.488.034	143.942.055.666
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.068.034.393	6.061.716.477
Phải thu ngắn hạn khác	136		6.083.770.155	4.766.450.199
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(6.200.164.767)	(6.089.124.684)
Hàng tồn kho	140	9	406.806.760.755	315.566.794.819
Hàng tồn kho	141		445.761.744.112	315.566.794.819
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(38.954.983.357)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.659.967.101	11.862.600.277
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.060.824.643	2.981.962.698
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.599.142.458	8.841.204.252
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	39.433.327

CHỖ
 CHẤM
 CHỮ
 ĐỎ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		383.152.761.521	271.874.777.117
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.818.820.000	2.911.154.220
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	9.818.820.000	2.911.154.220
Tài sản cố định	220		302.149.234.085	249.539.569.687
Tài sản cố định hữu hình	221	11	301.982.704.335	248.947.098.094
Nguyên giá	222		1.015.052.990.134	972.187.909.267
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(713.070.285.799)	(723.240.811.173)
Tài sản cố định vô hình	227	12	166.529.750	592.471.593
Nguyên giá	228		2.616.307.810	2.616.307.810
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.449.778.060)	(2.023.836.217)
Tài sản dở dang dài hạn	240		37.575.168.913	3.355.254.458
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	37.575.168.913	3.355.254.458
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	5.842.183.357	6.330.116.979
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.710.834.682	6.710.834.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(868.651.325)	(380.717.703)
Tài sản dài hạn khác	260		27.767.355.166	9.738.681.773
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	20.812.109.960	9.738.681.773
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	6.955.245.206	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.158.364.160.536	931.077.908.376

CHỖ
 CHẤM
 CHỮ
 ĐỎ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		750.451.874.833	630.747.472.078
Nợ ngắn hạn	310		603.899.574.369	516.909.485.268
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	87.405.216.810	126.563.229.435
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.614.551.372	14.259.092.254
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	12.082.848.700	13.586.906.431
Phải trả người lao động	314		176.014.736.823	178.090.866.180
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.504.719.232	2.024.757.176
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	5.816.602.908	15.959.576.020
Vay ngắn hạn	320	19(a)	288.244.110.145	153.289.609.911
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	25.216.788.379	13.135.447.861
Nợ dài hạn	330		146.552.300.464	113.837.986.810
Vay dài hạn	338	19(b)	146.552.300.464	113.837.986.810
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		407.912.285.703	300.330.436.298
Vốn chủ sở hữu	410	21	407.912.285.703	300.330.436.298
Vốn cổ phần	411	22	152.247.010.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.247.010.000	105.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	102.478.956.722	82.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		153.186.318.981	112.851.479.576
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		15.408.779.058	320.707.547
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		137.777.539.923	112.530.772.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.158.364.160.536	931.077.908.376

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Người lập:


Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	2.010.435.477.164	1.858.867.600.535
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.707.182.782.119	1.563.217.144.761
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		303.252.695.045	295.650.455.774
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	39.689.481.210	16.914.356.200
Chi phí tài chính	22	29	25.870.427.537	19.407.578.625
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.554.846.087	8.720.296.981
Chi phí bán hàng	25	30	73.606.164.461	69.418.510.488
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	74.029.920.445	84.981.088.914
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		169.435.663.812	138.757.633.947
Thu nhập khác	31	32	7.129.248.633	8.762.107.750
Chi phí khác	32		5.959.197.731	5.777.706.378
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.170.050.902	2.984.401.372
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		170.605.714.714	141.742.035.319
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	39.783.419.997	29.211.263.290
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(6.955.245.206)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		137.777.539.923	112.530.772.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	7.751	6.988

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Người lập:


Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		170.605.714.714	141.742.035.319
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		56.013.199.085	53.750.761.353
Các khoản dự phòng	03		39.553.957.062	(513.629.006)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.552.036.551)	1.922.868.309
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.121.924.195)	(5.677.800.475)
Chi phí lãi vay	06		9.554.846.087	8.720.296.981
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		262.053.756.202	199.944.532.481
Biến động các khoản phải thu	09		(63.110.473.937)	(17.300.033.148)
Biến động hàng tồn kho	10		(130.194.949.293)	(116.198.948.422)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(64.922.577.249)	143.695.010.476
Biến động chi phí trả trước	12		(14.152.290.132)	5.011.594.049
			(10.326.534.409)	215.152.155.436
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.702.080.695)	(10.979.452.090)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(40.926.874.339)	(19.717.433.616)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		212.820.000	216.300.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.577.170.000)	(3.338.810.315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71.319.839.443)	181.332.759.415
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(136.293.676.474)	(97.528.761.359)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		1.306.275.173	1.230.377.729
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(43.500.000.000)	(27.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24		33.500.000.000	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		8.302.590.711	4.651.957.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136.684.810.590)	(118.646.426.229)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	5.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		926.663.664.268	839.809.957.676
Tiền trả nợ gốc vay	34		(753.944.952.814)	(787.695.986.490)
Tiền trả cổ tức	36		(15.764.992.790)	(8.010.785.445)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		156.953.718.664	49.103.185.741
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(51.050.931.369)	111.789.518.927
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		151.092.638.505	39.306.396.917
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.163.792)	(3.277.339)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	100.028.543.344	151.092.638.505

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Phong
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 4.690 nhân viên (1/1/2022: 4.863 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) **Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 10 năm.

(h) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) **Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) **Thuê tài sản**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(s) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) **Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

12/12/2022
CÔNG TY
MAY HUẾ
MG
4-1-

Công ty Cổ phần Dệt May Hué
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	1.321.586.690.809	1.323.953.279.658	414.414.432.823	212.020.236.954	271.456.691.008	307.245.616.633	2.977.662.524	15.648.467.290	2.010.435.477.164	1.858.867.600.535
Kết quả kinh doanh của bộ phận	187.172.458.076	188.554.132.811	64.798.866.407	42.814.493.913	49.935.297.662	60.311.838.671	1.346.072.900	3.969.990.379	303.252.695.045	295.650.455.774
Thu nhập không phân bổ									39.689.481.210	16.914.356.200
Chi phí không phân bổ									(173.506.512.443)	(173.807.178.027)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									169.435.663.812	138.757.633.947
Thu nhập khác									7.129.248.633	8.762.107.750
Chi phí khác									(5.959.197.731)	(5.777.706.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(32.828.174.791)	(29.211.263.290)
Lợi nhuận thuần sau thuế									137.777.539.923	112.530.772.029

12/ 12 2022

Công ty Cổ phần Dệt May Hué
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản của bộ phận	130.635.519.680	76.296.515.189	36.913.910.315	37.113.366.214	25.215.058.039	30.532.174.263	-	-	192.764.488.034	143.942.055.666
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ									965.599.672.502	787.135.852.710
Tổng tài sản									1.158.364.160.536	931.077.908.376
Nợ phải trả của bộ phận	2.850.257.678	7.848.122.320	1.779.469.586	-	984.824.108	5.147.053.287	-	1.263.916.647	5.614.551.372	14.259.092.254
Các khoản nợ khác phân bổ									744.837.323.461	616.488.379.824
Tổng nợ phải trả									750.451.874.833	630.747.472.078
Chi tiêu vốn									2022 VND	2021 VND
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									136.293.676.474	97.528.761.359
Khấu hao tài sản cố định vô hình									55.587.257.242	53.323.432.569
									425.941.843	427.328.784

12/ 12 2022

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	56.648.329	51.516.317
Tiền gửi ngân hàng	10.059.560.039	8.634.108.490
Các khoản tương đương tiền	89.912.334.976	142.407.013.698
	100.028.543.344	151.092.638.505

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 4,9% đến 6,8% (1/1/2022: từ 3,7% đến 5,2%).

Giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị	Địa chỉ	31/12/2022			1/1/2022				
		% số hữu quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% số hữu quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	3,64	3.461.864.000	-	(*)	3,64	3.461.864.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	650.000.000	(650.000.000)	(*)	7,12	650.000.000	(158.867.928)	(*)
Công ty Cổ phần Dệt May Thiên An Phát	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	2,40	1.500.000.000	-	(*)	2,40	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	1.008.000.000	(218.651.325)	(*)	2,65	1.008.000.000	(221.849.775)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	0,16	90.970.682	-	(*)	0,16	90.970.682	-	(*)
			6.710.834.682	(868.651.325)			6.710.834.682	(380.717.703)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Aurora Investments Global	104.691.583.592	50.745.669.786
Ecofil Dis Ticaret A.S.	9.896.699.232	20.156.900.494
Công ty TNHH Fashion Garments 2	5.154.645.652	14.692.901.334
Tyh Uluslararası Tekstil Paz.San.Ve Tic A.S	-	15.310.752.121
Các khách hàng khác	73.021.559.558	43.035.831.931
	<u>192.764.488.034</u>	<u>143.942.055.666</u>

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc Tế – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.020.867.734	-
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	17.521.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	7.859.651	-
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	-	14.783.300
	<u>1.046.248.385</u>	<u>14.783.300</u>

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ quá hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập Khâu Hưng Thành Đạt	2.824.257.828	(2.824.257.828)	2.824.257.828	(2.824.257.828)
Ông Bùi Thế Quân	2.356.609.086	(2.356.609.086)	2.279.095.673	(2.279.095.673)
Ông Nguyễn Trọng Bùi	655.409.770	(655.409.770)	633.852.080	(633.852.080)
Taijinh Garment Co., Ltd.	363.888.083	(363.888.083)	351.919.103	(351.919.103)
	<u>6.200.164.767</u>	<u>(6.200.164.767)</u>	<u>6.089.124.684</u>	<u>(6.089.124.684)</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				(6.089.124.684)

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.847.244.708	-	59.645.020.755	-
Nguyên vật liệu	198.232.157.133	(17.748.966.601)	107.003.570.947	-
Công cụ và dụng cụ	59.151.024	-	45.273.773	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	116.973.899.361	(1.297.407.545)	80.274.402.727	-
Thành phẩm	62.942.404.400	(19.908.609.211)	29.021.216.645	-
Hàng gửi đi bán	61.706.887.486	-	39.577.309.972	-
	<u>445.761.744.112</u>	<u>(38.954.983.357)</u>	<u>315.566.794.819</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 120.000 triệu VND (1/1/2022: 25.200 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

10. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho người bán dài hạn thể hiện số tiền thanh toán đợt 1 theo Hợp đồng thuê đất số 04KCN/22/HĐNT ngày 15 tháng 8 năm 2022 với Ban Quản lý Khu Công nghiệp Phú Bài cho dự án Đầu tư sản xuất thuộc các ngành nghề nằm trong quy hoạch của Khu Công nghiệp.

IG KINH DOANH

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	233.705.719.536	703.545.431.792	23.592.448.968	10.260.061.128	1.084.247.843	972.187.909.267	
Tăng trong năm	332.892.134	1.490.787.227	-	305.518.181	-	2.129.197.542	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	57.337.941.810	37.224.998.604	2.388.221.364	1.158.522.896	8.383.981.267	106.493.665.941	
Thanh lý	(134.692.286)	(64.282.702.844)	(304.490.654)	(1.035.896.832)	-	(65.757.782.616)	
Số dư cuối năm	291.241.861.194	677.978.514.779	25.676.179.678	10.688.205.373	9.468.229.110	1.015.052.990.134	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	153.615.138.641	543.235.165.876	15.961.840.628	9.635.142.599	793.523.429	723.240.811.173	
Khấu hao trong năm	14.469.808.532	38.578.437.398	1.912.847.240	437.961.023	188.203.049	55.587.257.242	
Thanh lý	(134.692.286)	(64.282.702.844)	(304.490.654)	(1.035.896.832)	-	(65.757.782.616)	
Số dư cuối năm	167.950.254.887	517.530.900.430	17.570.197.214	9.037.206.790	981.726.478	713.070.285.799	
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	80.090.580.895	160.310.265.916	7.630.608.340	624.918.529	290.724.414	248.947.098.094	
Số dư cuối năm	123.291.606.307	160.447.614.349	8.105.982.464	1.650.998.583	8.486.502.632	301.982.704.335	

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 486.125 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 482.046 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định có giá trị còn lại là 154.780 triệu VND (1/1/2022: 79.041 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	2.616.307.810
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.023.836.217
Khấu hao trong năm	425.941.843
	2.449.778.060
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	592.471.593
Số dư cuối năm	166.529.750

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 1.382 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.355.254.458	583.015.939
Tăng trong năm	140.713.580.396	115.174.424.619
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(106.493.665.941)	(110.906.004.919)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.496.181.181)
Số dư cuối năm	37.575.168.913	3.355.254.458

Tại thời điểm báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	9.738.681.773
Tăng trong năm	19.813.447.723
Phân bổ trong năm	(8.740.019.536)
Số dư cuối năm	20.812.109.960

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	3.809.274.829	-
Doanh thu bán hàng	20%	3.145.970.377	-
		6.955.245.206	-

16. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dũng Hùng	19.264.742.901	12.416.650.620
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	9.952.591.706	13.540.497.449
Louis Dreyfus Company Suisse Sa	-	30.972.399.025
Olam International Limited	-	14.183.693.158
Các nhà cung cấp khác	58.187.882.203	55.449.989.183
	87.405.216.810	126.563.229.435

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	-	4.290.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	5.132.413.850	1.704.502.800
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	48.245.760	-
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	22.471.905	932.607.852
	<u>5.203.131.515</u>	<u>6.927.110.652</u>

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.472.298.310	41.629.316.869	(42.077.545.967)	1.024.069.212
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.289.807.060	(2.289.807.060)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.926.874.339	39.783.419.997	(40.926.874.339)	10.783.419.997
Thuế thu nhập cá nhân	186.555.222	3.318.137.997	(3.230.217.567)	274.475.652
Các loại thuế và phí khác	1.178.560	1.762.751.867	(1.763.046.588)	883.839
	<u>13.586.906.431</u>	<u>88.783.433.790</u>	<u>(90.287.491.521)</u>	<u>12.082.848.700</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn	1.646.895.021	1.437.749.411
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	1.587.470.886	10.017.470.886
Lãi vay ngân hàng	660.050.200	377.284.808
Cổ tức phải trả	110.636.065	122.638.855
Các khoản phải trả khác	1.811.550.736	4.004.432.060
	<u>5.816.602.908</u>	<u>15.959.576.020</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2022	
	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	853.538.714.255	(739.260.146.866)	138.604.803.963	248.723.104.028
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	39.582.086.750	(14.684.805.948)	14.684.805.948	39.521.006.117
	<u>893.120.801.005</u>	<u>(753.944.952.814)</u>	<u>153.289.609.911</u>	<u>288.244.110.145</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,0% - 4,5%	123.598.214.483	62.900.037.869
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	4,5%	87.845.962.048	75.704.766.094
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	4,6% - 4,7%	37.278.927.497	-
			<u>248.723.104.028</u>	<u>138.604.803.963</u>



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn	186.073.306.581	128.522.792.758
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(39.521.006.117)	(14.684.805.948)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	146.552.300.464	113.837.986.810

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	7% - 9%	2018 - 2024	16.800.000.000	25.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	8,2 - 9,25%	2021 - 2026	19.959.079.870	24.559.079.870
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	VND	8%	2022 - 2025	69.600.000.000	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)	USD	SOFR 6 tháng	2016 - 2039	79.714.226.711	78.763.712.888
				186.073.306.581	128.522.792.758

(*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB"), trị giá 3.276.194 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 3.430.475 USD), có hạn mức là 3.642.948 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 11).

29



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	13.135.447.861	12.128.495.842
Trích lập trong năm	14.445.690.518	3.496.652.019
Tăng khác	212.820.000	216.300.000
Sử dụng trong năm	(2.577.170.000)	(2.706.000.000)
Số dư cuối năm	25.216.788.379	13.135.447.861

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	100.000.000.000	82.478.956.722	12.450.169.881	194.929.126.603
Tăng vốn trong năm	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	112.530.772.029	112.530.772.029
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.496.652.019)	(3.496.652.019)
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Biến động khác	-	-	(632.810.315)	(632.810.315)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	105.000.000.000	82.478.956.722	112.851.479.576	300.330.436.298
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	137.777.539.923	137.777.539.923
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(14.445.690.518)	(14.445.690.518)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 23)	47.247.010.000	-	(47.247.010.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 23)	-	-	(15.752.990.000)	(15.752.990.000)
Biến động khác	-	-	2.990.000	2.990.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	152.247.010.000	102.478.956.722	153.186.318.981	407.912.285.703

31

T.Đ. G. H. T. Y. / 12 //

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.224.701	152.247.010.000	10.500.000	105.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.224.701	152.247.010.000	10.500.000	105.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.224.701	152.247.010.000	10.500.000	105.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	10.500.000	105.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	500.000	5.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.724.701	47.247.010.000	-	-
Số dư cuối năm	15.224.701	152.247.010.000	10.500.000	105.000.000.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.265.244	60,86	6.389.824	60,86
Công ty TNHH Tương Long	1.295.936	8,51	893.749	8,51
Công ty Cổ phần Dầu tư TTN Việt Nam	618.715	4,06	597.978	5,70
Các cổ đông khác	4.044.806	26,57	2.618.449	24,93
	15.224.701	100,00	10.500.000	100,00
			Số vốn góp VND	Số vốn góp VND
			92.652.440.000	63.898.240.000
			12.959.360.000	8.937.490.000
			6.187.150.000	5.979.780.000
			40.448.060.000	26.184.490.000
			152.247.010.000	105.000.000.000

 M.S.A.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 63.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 (2021: 8.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2020), trong đó 47.247 triệu VND bằng cổ phiếu và 15.753 triệu VND bằng tiền.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển 20.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 (2021: Không).

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	226.913	5.310.887.063	95.702	2.166.952.253
EUR	26	647.129	139	3.528.630
		<u>5.311.534.192</u>		<u>2.170.480.883</u>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	490.305.198	211.724.289

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm và phế liệu	1.986.309.007.382	1.813.615.165.707
Doanh thu bán hàng hóa	24.073.575.575	45.232.079.991
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	52.894.207	20.354.837
	<u>2.010.435.477.164</u>	<u>1.858.867.600.535</u>

27. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Thành phẩm và phế liệu đã bán	1.645.554.348.036	1.520.268.216.198
Hàng hoá đã bán	22.673.450.726	43.395.938.132
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.954.983.357	(447.009.569)
	<u>1.707.182.782.119</u>	<u>1.563.217.144.761</u>

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	5.195.034.005	2.422.473.746
Cổ tức	3.620.615.017	2.024.949.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.321.795.637	12.466.933.454
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.552.036.551	-
	<u>39.689.481.210</u>	<u>16.914.356.200</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	9.554.846.087	8.720.296.981
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	487.933.622	(9.657.316)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.827.647.828	7.046.475.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.922.868.309
Chi phí tài chính khác	-	1.727.595.088
	<u>25.870.427.537</u>	<u>19.407.578.625</u>

30. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Phí giám sát đơn hàng	10.123.388.465	11.099.320.090
Phí xử lý hàng ở cảng	2.560.665.312	4.784.988.604
Chi phí vận chuyển	48.969.754.118	42.462.967.978
Chi phí hoa hồng môi giới	9.733.232.598	8.679.012.615
Chi phí khấu hao	167.048.196	167.048.196
Chi phí bán hàng khác	2.052.075.772	2.225.173.005
	<u>73.606.164.461</u>	<u>69.418.510.488</u>

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	44.169.608.135	61.423.969.765
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	111.040.083	(56.962.121)
Chi phí khấu hao	1.476.391.951	1.759.837.417
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	1.992.927.054	1.566.827.434
Thuế, phí và lệ phí	5.627.263.749	4.140.539.037
Chi phí điện, nước	3.500.437.925	4.444.647.154
Chi phí ăn ca	3.247.168.015	2.176.501.733
Chi phí thuê đất	1.311.546.736	621.372.117
Chi phí bảo hiểm	1.067.490.734	1.280.932.241
Công cụ, dụng cụ	2.446.173.247	1.051.742.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.079.872.816	6.571.681.847
	<u>74.029.920.445</u>	<u>84.981.088.914</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.306.275.173	1.230.377.729
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	3.046.577.975	4.219.591.393
Các khoản khác	2.776.395.485	3.312.138.628
	<u>7.129.248.633</u>	<u>8.762.107.750</u>

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	944.694.164.843	825.871.470.788
Chi phí nhân công	675.294.827.694	641.161.173.441
Chi phí khấu hao	56.013.199.085	53.750.761.353
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.461.358.890	161.191.437.215
Chi phí khác	43.477.144.333	34.269.404.743
	<u>1.885.040.584.645</u>	<u>1.716.574.937.539</u>

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế hiện hành Năm hiện hành	39.783.419.997	29.211.263.290
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(6.955.245.206)	-
	<u>32.828.174.791</u>	<u>29.211.263.290</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	170.605.714.714	141.742.035.319
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	34.121.142.943	28.348.407.064
Chi phí không được khấu trừ thuế	763.377.869	367.615.608
Thu nhập không bị tính thuế	(724.123.003)	(404.989.800)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	(1.332.223.018)	900.230.418
	<u>32.828.174.791</u>	<u>29.211.263.290</u>

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.093.945.703	818.789.141	10.755.060.794	2.151.012.159

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo dự kiến, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	137.777.539.923	112.530.772.029
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến (*)	(19.768.829.116)	(9.555.613.579)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>118.008.710.807</u>	<u>102.975.158.450</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2022 dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm 2022.

Số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2021 (Thuyết minh 21) cao hơn số phân bổ dự kiến khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2021. Ban Giám đốc Công ty đánh giá chênh lệch này không trọng yếu, do đó đã quyết định không điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2021.

(ii) **Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	10.500.000	10.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	12.329
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 21)	4.724.701	4.724.701
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	15.224.701	14.737.030

(iii) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2022	2021 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	118.008.710.807	102.975.158.450
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	15.224.701	14.737.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.751	6.988

(iv) **Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 23) như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Theo báo cáo trước đây	10.012.329	10.285
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.724.701	(3.297)
Trình bày lại	14.737.030	6.988

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	325.261.766	29.000.000
Trả cổ tức	38.338.936.000	5.111.859.200
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex		
Bán hàng hóa	23.017.222	-
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	41.496.000	11.250.850.800
Mua dịch vụ	129.818.201	11.397.722.272
<i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</i>		
Bán hàng hóa	460.750.538	20.454.545
<i>Trung tâm Y tế Dệt May</i>		
Mua dịch vụ	68.663.517	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Mua hàng hóa	8.429.543.400	2.213.640.000
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Mua hàng hóa	44.672.000	-
<i>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex</i>		
Thuê nhà máy	12.000.000.000	15.600.000.000
Mua tài sản cố định	89.965.483.078	-
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	311.567.010	178.774.546
Mua hàng hóa	40.326.817	53.632.363
<i>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</i>		
Bán hàng hóa	965.816.460	14.041.874.585

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	2022 VND	2021 VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Đức Trí – Chủ tịch	969.325.668	597.666.668
Ông Nguyễn Bá Quang – Thành viên	980.700.000	781.000.000
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Thành viên Ban Giám đốc		
<i>Lương và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc	1.412.700.000	1.061.000.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	1.117.440.200	897.371.300
Ông Lê Hồng Quân - Phó Tổng giám đốc	534.656.900	-
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Giám đốc điều hành	929.746.220	702.435.940
Ông Lê Công An – Giám đốc điều hành	288.656.500	707.094.600
Bà Nguyễn Hồng Liên – Giám đốc điều hành	906.861.100	522.447.300
Ông Đào Văn Tư – Giám đốc điều hành	801.646.600	280.840.800
Bà Trần Thị Thuán – Giám đốc điều hành	504.606.800	-
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	274.544.000	-
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	294.355.000	228.000.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	111.900.000	92.000.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	61.000.000	128.000.000

Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt

	2022 VND	2021 VND
Góp vốn bằng tiền	-	1.725.000.000
Trả cổ tức	3.355.248.000	407.200.000

37. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	47.247.010.000	-

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Thần Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỆT MAY HUẾ

NGUYỄN VĂN PHONG